

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Biên và ông Hoàng Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 308/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 08/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: KDC N, phường D, thị xã K, Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang K, sinh năm 1989; địa chỉ: KDC N, phường D, thị xã K, Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957; địa chỉ: KDC N, phường D, thị xã K, Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện kết hôn, được UBND xã H (nay là phường D) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 3/12/2018. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại nhà ngoài đê (nhà để trồng nom vườn ngoài đê) của bố mẹ chồng chị. Khi chị có thai cháu thứ nhất được 6 tháng, anh K đã đánh chị, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh K mãi chơi, không lo cho gia đình, đánh, hành hạ chị, chị đi làm hàn tàu về mà anh K ở nhà chơi cũng không nấu cơm ăn. Chị báo cơm ở Công ty ăn thì cũng bị anh K chửi, lời cả bố mẹ chị ra chửi. Thường mỗi tháng chị bị đánh 2 lần, anh K túm tóc đánh vào gáy, đánh chị vào ban đêm, không ai biết để can. Chị sợ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe nên đã phải sống ly thân với anh K từ tháng 7/2024 đến

nay. Thời gian đầu chị đi làm về ngủ nhờ nhà hàng xóm được một tháng, sau đó chị sợ anh K biết nên xin Công ty đóng tàu được ngủ tại xưởng, đến nay chị đã thuê phòng trọ riêng. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng đã lâu, sống chung chỉ vì thương con. Do đó, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Phạm Trung N, sinh ngày 31/7/2019 và cháu Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện hai cháu đang ở cùng anh K và ông bà nội. Khi ly hôn, chị có quan điểm được nuôi cháu H1, để anh K nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, chị làm thợ hàn tàu, thu nhập khoảng hơn 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Toà án triệu tập nhưng anh K không đến Toà án trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ anh K trình bày: Thời gian đầu anh K và chị H chung sống với nhau hoà thuận bình thường. Gần đây khoảng tháng 7/2024 anh K và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có sự quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở bên ngoài nên anh K không chấp nhận được và anh K đã đánh cãi chửi nhau với chị H nên chị H đã bỏ nhà đi từ đó. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn anh K thì quan điểm của gia đình cũng đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, hiện đang ở cùng anh K và ông bà. Nếu anh chị ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết cho anh K nuôi 01 con và chị H nuôi 01 con chung. Bà sẽ hỗ trợ anh K trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh K đi làm ăn không có nhà.

- Biên bản xác minh ngày 02/12/2024, Công an phường D cung cấp: Theo tra cứu về dữ liệu dân cư Quốc gia thì anh K là công dân của KDC N, phường D, thị xã K và có hộ khẩu cư trú tại địa chỉ trên. Hiện anh K đi làm tàu sông thỉnh thoảng về gia đình ở KDC N phường D để sinh sống.

- Biên bản xác minh ngày 02/12/2024, bà Lê Thị L - Trưởng KDC N cung cấp: Anh K và chị H là vợ chồng, là công dân của địa phương. Anh chị chung sống cùng gia đình bà D hoà thuận, nhưng gần đây thấy anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo gia đình anh K nói do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh K không chấp nhận được, anh K có đánh chửi chị H và hiện chị H đã bỏ đi khỏi nhà anh K, không còn chung sống cùng anh K. Nay chị H xin ly hôn anh K thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh K vẫn đang ở nhà bà D, đi làm, nuôi hai con chung là cháu Phạm Trung N sinh năm 2019 và cháu Phạm Thanh H1, sinh năm 2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K, giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh K vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị [Trần Thị H](#) được ly hôn anh [Phạm Quang K](#).

- Về con chung: Giao cháu [Phạm Thanh H1](#), sinh ngày 26/7/2020 cho chị [Trần Thị H](#), giao cháu [Phạm Trung N](#), sinh ngày 31/7/2019 cho anh [Phạm Quang K](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí:* chị [Trần Thị H](#) phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh [K](#) có nơi cư trú tại [phường D, thị xã K](#) nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (gọi tắt là BLTTDS). Anh [K](#) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị [H](#) và anh [K](#) có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình chung sống, chị [H](#) và anh [K](#) đã xảy ra mâu thuẫn, bạo lực gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh [K](#) không đến tham gia buổi hòa giải. Chị [H](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh [K](#). Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị [H](#), xử cho chị [H](#) ly hôn anh [K](#) là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị H, anh K có 02 con chung là cháu Phạm Trung N, sinh ngày 31/7/2019 và cháu Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện hai cháu đang ở cùng anh K và ông bà nội. Xét thấy, hai anh chị đi làm đều có thu nhập, có điều kiện nuôi con nhưng chị H đang phải thuê nhà trọ, anh K thì đi làm tàu sông thường xuyên vắng nhà, phải có sự giúp đỡ của bố mẹ trong việc chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của con chung, cần giao cho anh K, chị H mỗi người nuôi một cháu là phù hợp, đảm bảo được điều kiện chăm sóc các cháu. Do vậy, giao cháu H1 cho chị H, giao cháu N cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị H tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H, anh K không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn - chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.
 - 1.1. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phạm Quang K.
 - 1.2. Giao cháu Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/7/2020 (giới tính: Nam) cho chị H, giao cháu Phạm Trung N, sinh ngày 31/7/2019 (giới tính: Nam) cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0002689 ngày 11/10/2024, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (số GCNKH 26 ngày 03.12.2018);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Phúc